

Số: 03/2024/QĐST-DS

D, ngày 15 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 10/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm N - sinh năm 1952

Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện D, tỉnh K.

- *Bị đơn:* Ông Phạm T - sinh năm 1949

Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện D, tỉnh K.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm T:* ông Phạm V - sinh năm 1975 và ông Phạm L - sinh năm 1984. Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện D, tỉnh K. (Văn bản ủy quyền số 003619, quyền số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/11/2023 tại Văn phòng Công chứng Đào Thị Thanh Trang).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lê K - sinh năm 1952

Địa chỉ: Đội 4, thôn B, xã H, huyện D, tỉnh K.

Ông Phạm K - sinh năm 1975

Địa chỉ: thôn M, xã L, huyện D, tỉnh K.

Bà Phạm C - sinh năm 1977

Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện D, tỉnh K.

Anh Phạm V - sinh năm 1979

Địa chỉ: thôn H, xã L, huyện D, tỉnh K.

Chị Phạm N - sinh năm 1982

Địa chỉ: thị trấn V, huyện V, tỉnh K.

Bà Lê R - sinh năm 1948

Ông Phạm V - sinh năm 1975

Bà Phạm H - sinh năm 1981

Ông Phạm L - sinh năm 1984  
Bà Phạm V - sinh năm 1991  
Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện D, tỉnh K.

Ông Phạm T - sinh năm 1973  
Địa chỉ: thôn V 1, xã T, Tp. N, tỉnh H.  
Bà Phạm N - sinh năm 1978

Địa chỉ: thôn M, xã B, huyện D, tỉnh K.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê K, bà Phạm C, chị Phạm N và anh Phạm K:* ông Phạm N- sinh năm 1952. Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện D, tỉnh K. (Văn bản ủy quyền số 4026 quyền số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/11/2023 tại Văn phòng Công chứng Đào Thị Thanh Trang và Văn bản ủy quyền số 4513 quyền số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/12/2023 tại Văn phòng Công chứng Phạm Văn Thông).

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm T, bà Phạm H, bà Phạm V, bà Phạm N:* ông Phạm V - sinh năm 1975 và ông Phạm L - sinh năm 1984. Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện D, tỉnh K. (Văn bản ủy quyền số 003618, quyền số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/11/2023 tại Văn phòng Công chứng Đào Thị Thanh Trang).

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê R:* ông Phạm L - sinh năm 1984. Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện D, tỉnh K. (Hợp đồng ủy quyền số 01/2024 quyền số 01/2023+01/2024-SCT/HĐ,GD ngày 03/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã Diên Hòa).

## 2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đến ngày 05/01/2024, hộ gia đình ông Phạm T bao gồm ông T, bà Lê R, ông Phạm T, bà Phạm H, bà Phạm V, bà Phạm N, ông Phạm V, ông Phạm L trả cho hộ gia đình ông Phạm N bao gồm ông N, bà Lê K, bà Phạm C, chị Phạm N, ông Phạm K, ông Phạm V diện tích 470m<sup>2</sup> đất 2L, thuộc thửa số 398, tờ bản đồ số 7 tại thôn B - xã H - huyện D - tỉnh K (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông Phạm N, bà Lê K, bà Phạm C, chị Phạm N, ông Phạm K, ông Phạm V hỗ trợ tiền công sang lấp, đổ đất là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho hộ ông Phạm T bao gồm ông T, bà Lê R, ông Phạm T, bà Phạm H, bà Phạm V, bà Phạm N, ông Phạm V, ông Phạm L

- Về chi phí đo vẽ, định giá tài sản: Ông Phạm N tự nguyện nộp và đã nộp đủ số tiền chi phí thẩm định, đo vẽ, định giá tài sản là 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng).

- Về án phí:

Ông Phạm N thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí (theo Thông báo số 02/TB-TA ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện D).

Ông Phạm N tự nguyện nộp 1.175.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm thay cho ông T, bà Lê R, ông Phạm T, bà Phạm H, bà Phạm V, bà Phạm Ni, ông Phạm T, ông Phạm L.

**Quy định:** Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Thị Kim vinh**